TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2022/DS-ST Ngày: 13-9-2022 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Vũ Biên Cương.

Ông Phan Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 8, 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

(Tại phiên tòa bà T có mặt; ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Trần Thị T: Nguyên trước đây bà T có cho ông H vay (mượn) tiền nhiều lần trong vòng một tháng, mỗi lần cho vay số tiền mười mấy triệu đồng, lần cuối cho vay 01 chỉ vàng 24Kara 9999 rồi làm Giấy mượn nợ (mượn tiền) ngày 06-4-2020 (nhằm ngày 14-3-2020 âm lịch),

tổng số tiền bà T cho ông H vay là 61.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24Kara 9999. Ông H hứa đến ngày 21-6-2021 (nhằm ngày 12-5-2021 âm lịch) sẽ trả đủ cho bà T nhưng ông H không trả mặc dù bà T đã nhiều lần liên hệ ông H để đòi nợ nên bà T mới khởi kiện ông H đến Tòa án. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả cho bà T số tiền vay còn thiếu gốc là 61.000.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24Kara 9999, không yêu cầu tính lãi.

Lời trình bày của bị đơn Nguyễn Văn H trong hồ sơ vụ án: Ông H thừa nhận từ năm 2020 trở về sau ông H có nhiều lần mượn tiền của bà T số tiền từ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và 01 (Một) chỉ vàng 24Kara 9999, mỗi lần mượn thì đều không có làm giấy tờ gì hết nhưng sau đó để làm tin và để không mích lòng về sau nên bà T mới viết Giấy mượn nợ ngày 06-4-2020 như bà T có nộp trong hồ sơ vụ án rồi đưa cho ông H ký tên nhưng thực sự số tiền ông H mượn bà T tổng cộng lại chỉ khoản hai mươi mấy triệu đồng và 01 (Một) chỉ vàng 24Kara 9999. Vậy nên qua yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông H không đồng ý, ông H yêu cầu bà T đưa ra chứng cứ những lần ông H mượn tiền, vàng bao nhiêu thì ông H sẽ đồng ý trả cho bà T bấy nhiêu. Ông H thừa nhận có ký và ghi họ tên "Nguyễn Văn H" trong giấy mượn nợ nêu trên, trước khi ký và ghi họ tên thì ông H đã được đọc lại cho nghe. Ngoài ra thì ông H còn cho rằng số tiền 61.000.000 đồng trong giấy mượn nợ nói trên đã bao gồm tiền lãi nhưng bà T tính lãi suất bao nhiêu thì ông H không biết. Ông H không có chứng cứ gì chứng minh việc ông H mượn của bà T số tiền chỉ khoản hai mươi mấy triệu đồng và trong số tiền 61.000.000 đồng đã bao gồm tiền lãi vì việc cho mượn tiền, vàng giữa bà T và ông H không có làm giấy tờ lúc cho mượn, chỉ có làm duy nhất Giấy mượn nợ (mượn tiền) ngày 06-4-2020.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, do đó bị đơn đã từ chối quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà T cho ông H vay tiền nhiều lần từ năm 2020 đến ngày 06-4-2020 hai bên mới viết giấy mượn nợ ghi ông H mượn số tiền 61.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24Kara, thời gian trả là ngày 21-6-2021. Hết thời gian trong giấy mượn nợ, bà T đòi nhiều lần ông H không trả nên bà T khởi kiện yêu cầu ông H trả nợ. Bà T yêu cầu ông H trả số tiền 61.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24Kara trên cơ sở Giấy mượn nợ ngày 06-4-2020 có chữ ký, ghi tên Nguyễn Văn H. Việc ký, viết tên trong giấy mượn nợ cũng được ông H thừa nhận.

Tòa án lấy lời khai thì ông H thừa nhận nợ vay của bà T khoản hai mươi mấy triệu đồng và 01 chỉ vàng 24Kara nhưng ông H không đồng ý trả nợ cho bà T theo yêu cầu. Ông H thừa nhận là giấy mượn nợ ngày 06-4-2020 bà T viết sẵn,

có đọc lại cho ông H nghe và ông H ký tên, ghi tên Nguyễn Văn H vào giấy mượn nợ. Ông H không đồng ý trả nợ cho bà T vì cho rằng số tiền mượn khoản hai mươi mấy triệu đồng, không phải 61.000.000 đồng như bà T yêu cầu nhưng Tòa án yêu cầu ông H cung cấp chứng cứ chứng minh thì ông H không có chứng cứ chứng minh. Tòa án tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H hai lần không đến Tòa án, do đó ông H không cung cấp chứng cứ chứng minh là thiếu bà T hai mươi mấy triệu đồng như ông H trình bày. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông H phải chịu hậu quả cho việc không chứng minh phản đối yêu cầu của bà T. Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận, buộc ông H phải trả nợ cho bà T.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H trả cho bà T số tiền vay còn thiếu gốc là 61.000.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24Kara 9999, không yêu cầu tính lãi (bà T có giao nộp cho Tòa án chứng cứ là Giấy mượn nợ (mượn tiền) ngày 06-4-2020 có chữ ký và ghi họ tên của ông Nguyễn Văn H).

Ông H thừa nhận từ năm 2020 trở về sau ông H có nhiều lần mượn tiền của bà T số tiền từ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và 01 (Một) chỉ vàng 24Kara 9999, mỗi lần mượn thì đều không có làm giấy tờ gì hết nhưng sau đó để làm tin và để không mích lòng về sau nên bà T mới viết Giấy mượn nợ ngày 06-4-2020 như bà T có nộp trong hồ sơ vụ án rồi đưa cho ông H ký tên nhưng thực sự số tiền ông H mượn bà T tổng cộng lại chỉ khoản hai mươi mấy triệu đồng và 01 (Một) chỉ vàng 24Kara 9999, vậy nên qua yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông H không đồng ý, ông H yêu cầu bà T đưa ra chứng cứ những lần ông H mượn tiền, vàng bao nhiêu thì ông H sẽ đồng ý trả cho bà T bấy

nhiêu. Ông H thừa nhận có ký và ghi họ tên Nguyễn Văn H trong giấy mượn nợ nêu trên, trước khi ký và ghi họ tên thì ông H đã được đọc lại cho nghe.

Xét thấy: Ông H thừa nhận có ký tên trong Giấy mượn nợ (mượn tiền) ngày 06-4-2020 do bà T giao nộp cho Tòa án, ông H không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh ông H chỉ mượn của bà T khoản hai mươi mấy triệu đồng và 01 (Một) chỉ vàng 24Kara 9999 và trong số tiền 61.000.000 đồng chốt nợ đã bao gồm tiền lãi như ông H trình bày, vậy nên yêu cầu của bà T là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *"2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay còn thiếu gốc là 61.000.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24Kara 9999, không tính lãi là phù hợp theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Trong vụ án này bị đơn Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Thị T số tiền 61.000.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24Kara 9999 (có giá trị là 5.240.000 đồng theo Công văn số: 2356/TCKH-HC ngày 18-8-2022 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Tân Hồng) nên phải có nghĩa vụ chịu 5% x 66.240.000 đồng = 3.312.000 đồng (Ba triệu ba trăm mười hai nghìn đồng) án phí; Nguyên đơn Trần Thị T không phải chịu án phí nên được nhận lại 1.675.000 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0002832 ngày 26-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T.

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền vay còn thiếu gốc là 61.000.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu đồng) và 01 chỉ vàng 24Kara 9999, không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác và lãi của số vàng còn phải thi hành án (nếu pháp luật có quy định).

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ chịu 3.312.000 đồng (Ba triệu ba trăm mười hai nghìn đồng) án phí.

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Trần Thị T 1.675.000 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0002832 ngày 26-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13-9-2022). Riêng bị đơn Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Bé Hương